

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Phương án và Dự toán kinh phí kiểm kê rừng
tỉnh Bình Định giai đoạn 2014 - 2016**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ quyết định số 594/QĐ-TTg ngày 15/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt dự án “Tổng điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2013-2016;

Căn cứ Quyết định số 3183/QĐ-BNN-TCLN ngày 21/12/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành hướng dẫn Tổng điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2012-2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 12/2014/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 24/01/2014 của Liên bộ Tài chính, Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện dự án “Tổng điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2013-2016”;

Căn cứ Quyết định số 690/QĐ-BNN-TCCB ngày 01/4/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2012-2015;

Căn cứ văn bản số 834/BNN-TCLN ngày 10/3/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tổ chức triển khai thực hiện công tác kiểm kê rừng ở địa phương;

Căn cứ văn bản số 1504/UBND-TH ngày 18/4/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc tổ chức triển khai thực hiện công tác kiểm kê rừng ở địa phương;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 2670/TTr-SNN ngày 30/7/2014, đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 3304/STC-HCSN ngày 10/10/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. phê duyệt Phương án và Dự toán kinh phí kiểm kê rừng tỉnh Bình Định giai đoạn 2014 – 2016 với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên phương án: Phương án kiểm kê rừng tỉnh Bình Định giai đoạn 2014 - 2016.

2. Cấp quản lý:

- Chủ quản đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Định.
- Đại diện chủ đầu tư: Chi cục Kiểm lâm Bình Định

3. Quy mô phương án: Kiểm kê toàn bộ diện tích rừng và đất lâm nghiệp nằm trong quy hoạch 3 loại rừng của tỉnh Bình Định (383.787,1 ha).

4. Thời gian thực hiện phương án: 2014 - 2016.

5. Mục tiêu của phương án:

- Đến năm 2016 thực hiện hoàn thành công tác kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định; xác định được chính xác toàn bộ diện tích đất có rừng, đánh giá được chất lượng các loại rừng và diện tích đất chưa có rừng được quy hoạch cho mục đích lâm nghiệp (gọi tắt là đất chưa có rừng) gắn với chủ quản lý cụ thể trên địa bàn tỉnh.

- Thiết lập được hồ sơ quản lý rừng, xây dựng cơ sở dữ liệu theo đơn vị quản lý rừng và đơn vị hành chính các cấp.

6. Nội dung và các hoạt động kiểm kê, lập hồ sơ quản lý rừng và thành quả kiểm kê

a) Phạm vi kiểm kê

Trên toàn bộ diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp tỉnh Bình Định 383.787,1 ha, gồm: 307.343,1 ha đất có rừng và 76.444,0 ha đất chưa có rừng.

b) Đơn vị kiểm kê

- Đơn vị điều tra rừng là các lô trạng thái rừng được xác định bằng khoanh vẽ trên ảnh vệ tinh và kết hợp điều tra mặt đất. Trên lô trạng thái chỉ có một trạng thái rừng đồng nhất, diện tích lô nhỏ nhất là 0,5 ha đối với rừng tự nhiên và 0,2 ha đối với rừng trồng;

- Đơn vị kiểm kê rừng là lô kiểm kê, lô kiểm kê nằm trên một phần hoặc toàn bộ lô trạng thái, thuộc duy nhất một chủ quản lý, có diện tích tối thiểu 0,2 ha. Lô kiểm kê là đơn vị nhỏ nhất về mặt diện tích để xây dựng cơ sở dữ liệu và lập hồ sơ quản lý rừng;

- Kết quả kiểm kê rừng và đất lâm nghiệp sẽ được tập hợp theo trình tự từ nhỏ đến lớn: Lô kiểm kê, lô trạng thái, khoảnh, tiểu khu lên các cấp hành chính xã, huyện, tỉnh;

- Việc xác định các trạng thái rừng thực tế căn cứ vào quy định tại Thông tư số 34/2009/TT-BNNPTNT, ngày 10/6/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định tiêu chí xác định và phân loại rừng.

c) Đối tượng thực hiện kiểm kê

- Toàn bộ diện tích rừng và trữ lượng rừng theo mục đích sử dụng của 03 loại rừng; diện tích rừng đã trồng nhưng chưa thành rừng; các trạng thái thực bì trên đất chưa có rừng (Ia, Ib, Ic); diện tích đất chưa có rừng được giao và cho thuê với mục đích phát triển rừng và diện tích rừng ngoài đất quy hoạch cho lâm nghiệp;

- Toàn bộ chủ rừng đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp; giao quản lý, sử dụng rừng, cho thuê rừng, đất chưa có rừng bao gồm: Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, công ty lâm nghiệp, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, hộ gia đình, cá nhân, đơn vị vũ trang; tổ chức khác (nghiên cứu khoa học, đoàn thể...); cộng đồng dân cư thôn (bản); tổ chức cá nhân nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài; Ủy ban nhân dân cấp xã đang được giao quản lý rừng, đất chưa có rừng.

7. Khái toán kinh phí thực hiện: 24.725.249.239 đồng.

a) Vốn từ ngân sách nhà nước: 24.289.877.758 đồng.

- Kinh phí địa phương (ngân sách tỉnh): 7.233.755.212 đồng.
- Kinh phí Trung ương hỗ trợ 70 %: 16.878.762.159 đồng.
- Kinh phí KKR do đơn vị Quốc phòng quản lý: 132.971.972 đồng.
- Kinh phí KKR do đơn vị Công an quản lý: 44.388.415 đồng.

b) Vốn của chủ rừng là tổ chức: 435.371.481 đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm Quyết định này)

Điều 2.

- Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị quản lý rừng trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

- Giao Giám đốc Công an tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh làm việc với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng để cân đối nguồn kinh phí phục vụ công tác kiểm kê rừng của đơn vị.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K13 (37b).



Trần Thị Thu Hà